

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.43A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 30/9/2018 - Phòng máy 623/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Thúy	An	15/12/1996	Gia Lai	K21VLK1	2120863957	ITA.43A	An	5,0	Năm y	
2	Nguyễn Thị Phương	Anh	15/12/1997	Gia Lai	K21VLK1	2120868235	ITA.43A	Anh	7,5	Bảy năm	
3	Trần Thị Ngọc	Châu	23/04/1997	hừa Thiên H	K21YDD5	2120514853	ITA.43A	Châu	4,0	Bốn y	
4	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/03/1997	Quảng Bình	K21VLK1	2120268741	ITA.43A	Chi	4,0	Bốn y	
5	Hoàng Hoài	Đông	19/02/1996	Gia Lai	K20YDH6	2020528018	ITA.43A	Đ	9,0	Chín y	
6	Nguyễn Thùy	Dung	01/04/1996	Đắk Lắk	K20YDH6	2020525777	ITA.43A	Dung	7,0	Bảy y	
7	Trần Thị Mỹ	Duyên	24/07/1997	Bình Định	K21YDD5	2120514881	ITA.43A	Duyên	6,5	Sáu năm	
8	Trần Thị Thảo	Hạnh	20/04/1997	Gia Lai	K21NAD4	2120325212	ITA.43A	Th	8,0	Tám y	
9	Nguyễn Thị Ái	Hiệp	11/08/1996	Bình Định	K20YDH6	2020523425	ITA.43A	Hiep	9,0	Chín y	
10	Diệp Vũ	Huy	11/11/1995	Gia Lai	K19CSUXDD	1921623490	ITA.43A				Cấm thi
11	Trần Thị Ngọc	Huyền	01/11/1997	Quảng Nam	K21DLK8	2120717422	ITA.43A	Nghe	9,5	Chín năm	
12	Lê Quang Hoàng	Linh	15/02/1996	Đà Nẵng	K20NAD2	2021714996	ITA.43A	L	3,5	Ba năm	
13	Nguyễn Bảo	Long	24/12/1997	Đà Nẵng	K21DLL2	2121715685	ITA.43A				Cấm thi
14	Nguyễn Văn	Minh	19/11/1993	Đắk Lắk	K19YDH2	1921524265	ITA.43A				Cấm thi
15	Hà Thị	Mùi	01/04/1997	Hà Tĩnh	K21NAB7	2120319399	ITA.43A	H	3,0	Ba y	Hai năm
16	Trương Thị Thanh	Ngân	15/02/1997	Quảng Ngãi	K21NAB4	2120313265	ITA.43A	Nh	5,0	Năm y	
17	Nguyễn Thành	Nhân	11/01/1997	Quảng Nam	K21QTH3	2121217008	ITA.43A	Th	9,5	Chín năm	
18	Lê Kim	Nhật	04/07/1994	Huế	K19YDH3	1921524504	ITA.43A				Cấm thi
19	Trần Thị My	Nu	21/07/1996	T.T Huế	K20YDH6	2020526558	ITA.43A	Nu	7,5	Bảy năm	
20	Nguyễn Mạnh	Quân	08/11/1993	hừa Thiên H	K21VLK1	2121869840	ITA.43A	Qu	7,0	Bảy y	
21	Phạm Thị Như	Quỳnh	08/03/1997	Quảng Bình	K21YDD3	2120516596	ITA.43A	Quynh	7,0	Bảy y	
22	Nguyễn Đăng Minh	Tài	01/08/1994	Quảng Trị	K19YDH3	1921529432	ITA.43A				Cấm thi
23	Hoàng Thị Minh	Tâm	29/07/1996	Đắk Lắk	K20YDH1	2020520600	ITA.43A	Tm	6,5	Sáu năm	
24	Lê Thị Thanh	Tâm	12/03/1996	Gia Lai	K20YDH2	2020522759	ITA.43A	Le	8,5	Tám năm	
25	Nguyễn Duy	Tân	10/09/1997	hừa Thiên H	K21QTH4	2121219036	ITA.43A	T	9,0	Chín y	
26	Quảng Vô Thanh	Thảo	25/09/1996	Gia Lai	K20YDH1	2020523411	ITA.43A	Q	9,0	Chín y	
27	Lê Thị Hiền	Thơ	05/08/1997	Lâm Đồng	K21YDD5	2120516609	ITA.43A	Th	5,0	Năm y	
28	Trần Thị Uyên	Thư	10/02/1997	Quảng Nam	K21YDD3	2120519445	ITA.43A	Th	2,0	Hai y	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
29	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	09/01/1997	Huế	K21YDD3	2120518007	ITA 43A	Thúy	2,0	Học y	
30	Nguyễn Thái	Thụy	27/08/1996	Đà Nẵng	K20NAD2	2020323891	ITA 43A	Thụy	2,0	Học y	
31	Nguyễn Thị	Tình	12/10/1997	Quảng Bình	K21NAB7	2120313185	ITA 43A	Thị	7,5	Bảng, rằn	
32	Lê Thị Huyền	Trang	06/09/1997	Vũng Tàu	K21NAB8	2120315324	ITA 43A	Thị	4,0	Bảng y	
33	Nguyễn Lê Kiều	Trang	10/05/1996	Đắk Lắk	K20YDH6	2020527452	ITA 43A	Thị	8,0	Tám y	
34	Nguyễn Thị Phương	Trang	08/02/1995	Quảng Ngãi	K20YDH2	1920529438	ITA 43A	Thị	3,0	Bảng y	
35	Phan Thị Yến	Trúc	14/12/1997	Bình Định	K21YDD5	2120517702	ITA 43A	Thị	5,5	Năm, rằn	
36	Nguyễn Ngọc	Tú	15/03/1997	Gia Lai	K21YDD3	2120518317	ITA 43A	Thị	6,0	Sáu y	
37	Nguyễn Thị Hồng	Tú	19/07/1995	Đắk Lắk	K19KMQ	1920644955	ITA 43A				
38	Nguyễn Lê Linh	Tùng	20/03/1993	Đà Nẵng	K20PSUDLK3	1810224635	ITA 43A				Cấm thi
39	Lê Thị	Vy	18/09/1997	Quảng Nam	K21NAD4	2120316902	ITA 43A	Thị	3,0	Chín y	
40	Lê Thị Yến	Vy	18/02/1993	Bình Định	K21YDD5	171326204	ITA 43A	Thị	8,5	Tám, rằn	
41	Nguyễn Thị Kim	Yến	17/04/1997				ITA 43A				Cấm thi
42	Nguyễn Thị Thiện	Phúc	20/08/1995	Đà Nẵng	K20PSUDLK5	2020340881	ITA 28B	Thị	5,0	Năm y	Thi ghép
43											
44											
45											
46											
47											

Tổng số HV/Dự thi: ...34...

Vắng: ...8....

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NĂNG CAO - KHÓA ITA.43A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 30/9/2018 - Phòng máy 623/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Thúy	An	15/12/1996	Gia Lai	K21VLK1	2120863957	ITA.43A	<i>An</i>	6,8	Sáu Tám	
2	Nguyễn Thị Phương	Anh	15/12/1997	Gia Lai	K21VLK1	2120868235	ITA.43A	<i>Anh</i>	7,3	Bảy ba	
3	Trần Thị Ngọc	Châu	23/04/1997	hĩa Thiên H	K21YDD5	2120514853	ITA.43A	<i>Chau</i>	5,0	Năm y	
4	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/03/1997	Quảng Bình	K21VLK1	2120268741	ITA.43A	<i>Chi</i>	5,0	Năm y	
5	Hoàng Hoài	Đông	19/02/1996	Gia Lai	K20YDH6	2020528018	ITA.43A	<i>Đ</i>	7,8	Bảy Tám	
6	Nguyễn Thùy	Dung	01/04/1996	Đắk Lắk	K20YDH6	2020525777	ITA.43A	<i>Dung</i>	6,8	Sáu Tám	
7	Trần Thị Mỹ	Duyên	24/07/1997	Bình Định	K21YDD5	2120514881	ITA.43A	<i>Duyen</i>	5,0	Năm y	
8	Trần Thị Thảo	Hạnh	20/04/1997	Gia Lai	K21NAD4	2120325212	ITA.43A	<i>Th</i>	7,8	Bảy Tám	
9	Nguyễn Thị Ái	Hiệp	11/08/1996	Bình Định	K20YDH6	2020523425	ITA.43A	<i>hiệp</i>	6,8	Sáu tám	
10	Diệp Vũ	Huy	11/11/1995	Gia Lai	K19CSUXDD	1921623490	ITA.43A				Cấm thi
11	Trần Thị Ngọc	Huyền	01/11/1997	Quảng Nam	K21DLK8	2120717422	ITA.43A	<i>Huyen</i>	7,5	Bảy Năm	
12	Lê Quang Hoàng	Linh	15/02/1996	Đà Nẵng	K20NAD2	2021714996	ITA.43A	<i>Lh</i>	5,5	Năm năm	
13	Nguyễn Bảo	Long	24/12/1997	Đà Nẵng	K21DL12	2121715685	ITA.43A				Cấm thi
14	Nguyễn Văn	Minh	19/11/1993	Đắk Lắk	K19YDH2	1921524265	ITA.43A				Cấm thi
15	Hà Thị	Mùi	01/04/1997	Hà Tĩnh	K21NAB7	2120319399	ITA.43A	<i>H</i>	7,0	Bảy y	
16	Trương Thị Thanh	Ngân	15/02/1997	Quảng Ngãi	K21NAB4	2120313265	ITA.43A	<i>NL</i>	6,0	Sáu y	
17	Nguyễn Thành	Nhân	11/01/1997	Quảng Nam	K21QTH3	2121217008	ITA.43A	<i>Th</i>	6,0	Sáu y	
18	Lê Kim	Nhật	04/07/1994	Huế	K19YDH3	1921524504	ITA.43A				Cấm thi
19	Trần Thị My	Nu	21/07/1996	T.T.Huế	K20YDH6	2020526558	ITA.43A	<i>Nu</i>	5,0	Năm y	
20	Nguyễn Mạnh	Quân	08/11/1993	hĩa Thiên H	K21VLK1	2121869840	ITA.43A	<i>Qu</i>	7,3	Bảy ba	
21	Phạm Thị Như	Quỳnh	08/03/1997	Quảng Bình	K21YDD3	2120516596	ITA.43A	<i>Quynh</i>	5,0	Năm y	
22	Nguyễn Đăng Minh	Tài	01/08/1994	Quảng Trị	K19YDH3	1921529432	ITA.43A				Cấm thi
23	Hoàng Thị Minh	Tâm	29/07/1996	Đắk Lắk	K20YDH1	2020520600	ITA.43A	<i>Tm</i>	6,0	Sáu y	
24	Lê Thị Thanh	Tâm	12/03/1996	Gia Lai	K20YDH2	2020522759	ITA.43A	<i>T</i>	6,0	Sáu y	co thi
25	Nguyễn Duy	Tân	10/09/1997	hĩa Thiên H	K21QTH4	2121219036	ITA.43A	<i>T</i>	6,8	Sáu Tám	
26	Quảng Võ Thanh	Thảo	25/09/1996	Gia Lai	K20YDH1	2020523411	ITA.43A	<i>Th</i>	7,3	Bảy ba	
27	Lê Thị Hiền	Thơ	05/08/1997	Lâm Đồng	K21YDD5	2120516609	ITA.43A	<i>tho</i>	5,8	Năm Tám	
28	Trần Thị Uyên	Thư	10/02/1997	Quảng Nam	K21YDD3	2120519445	ITA.43A	<i>Th</i>	5,0	Năm y	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
29	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	09/01/1997	Huế	K21YDD3	2120518007	ITA.43A	<i>the</i>	5.8	Năm ba	
30	Nguyễn Thái	Thụy	27/08/1996	Đà Nẵng	K20NAD2	2020323891	ITA.43A	<i>the</i>	6.5	Sáu năm	
31	Nguyễn Thị	Tinh	12/10/1997	Quảng Bình	K21NAB7	2120313185	ITA.43A	<i>the</i>	5.5	Năm năm	
32	Lê Thị Huyền	Trang	06/09/1997	Vũng Tàu	K21NAB8	2120315324	ITA.43A	<i>the</i>	5.5	Năm năm	
33	Nguyễn Lê Kiều	Trang	10/05/1996	Đắk Lắk	K20YDH6	2020527452	ITA.43A	<i>the</i>	6.5	Sáu năm	
34	Nguyễn Thị Phương	Trang	08/02/1995	Quảng Ngãi	K20YDH2	1920529438	ITA.43A	<i>the</i>	4.0	Bảy	
35	Phan Thị Yến	Trúc	14/12/1997	Bình Định	K21YDD5	2120517702	ITA.43A	<i>the</i>	6.8	Sáu năm	
36	Nguyễn Ngọc	Tú	15/03/1997	Gia Lai	K21YDD3	2120518317	ITA.43A	<i>the</i>	6.3	Sáu năm	
37	Nguyễn Thị Hồng	Tú	19/07/1995	Đắk Lắk	K19KMQ	1920644955	ITA.43A				
38	Nguyễn Lê Linh	Tùng	20/03/1993	Đà Nẵng	K20PSUDLK3	1810224635	ITA.43A				Cấm thi
39	Lê Thị	Vy	18/09/1997	Quảng Nam	K21NAD4	2120316902	ITA.43A	<i>the</i>	5.3	Năm ba	
40	Lê Thị Yến	Vy	18/02/1993	Bình Định	K21YDD5	171326204	ITA.43A	<i>the</i>	5.8	Năm năm	
41	Nguyễn Thị Kim	Yến	17/04/1997				ITA.43A				Cấm thi
42	Nguyễn Thị Thiện	Phúc	20/08/1995	Đà Nẵng	K20PSUDLK5	2020340881	ITA.28B	<i>the</i>	5.5	Năm năm	Thi ghép
43											
44											
45											
46											
47											

Tổng số HV/Dự thi: ...34...

Vắng: ..8....